TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Khái luận về mộc bản chùa Dâu

ISSN: 2734-9195 09:05 14/09/2025

Tổng số ván khắc còn lại tại chùa Dâu là 107 ván, với 199 mặt có nội dung để nghiên cứu. Đây là số lượng không lớn, nhưng tập trung chủ yếu vào tín ngưỡng nông nghiệp, thờ tự thần linh Long vương cầu mưa trong hệ tín ngưỡng Tứ pháp ở Giao Châu xưa.

Tác giả: **Ts Phạm Văn Tuấn -** *Viện Nghiên cứu Hán Nôm*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Trích yếu: *Chùa Dâu là một trong những ngôi chùa cổ nhất ở Việt Nam. Đến nay, trải qua hơn nghìn năm lịch sử, chùa Dâu vẫn mang đậm những giá trị văn hóa của đất Luy Lâu xưa, của vùng lõi Giao Châu, cũng là trung tâm của miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn đầu công nguyên. Chùa Dâu được nhiều tư liệu Hán Nôm ghi chép lại, và trong chùa cũng còn tàng trữ nhiều tư liệu Hán Nôm trong từng giai đoạn lịch sử.*

Từ trước thế kỷ X, cho đến thời Lý Trần và định hình không gian kiến trúc văn hóa. Thời Lê, thêm lần nữa sự phục hưng của chùa Dâu thông qua phát triển tôn giáo phái Lâm Tế, để lại nhiều di sản minh văn, mộc bản và kinh sách, cũng như sự truyền thừa tông phái.

Chùa Dâu, với văn hóa, lịch sử đã đóng góp vào sự hình thành và phát triển của văn hóa Phật giáo ở vùng Luy Lâu - Thuận Thành nói riêng và Việt Nam nói chung. Bài viết, phần nào khơi gợi lại các tư liệu cũ với các lớp lang viết về chùa Dâu, không gian văn hóa và lịch sử vùng Thuận Thành xưa cũ.

Từ khóa: Chùa Dâu, Diên Ứng, Luy Lâu, Giao Châu, Tứ pháp, Pháp Vân.



Khái luận về mộc bản chùa Dâu

Mở đầu

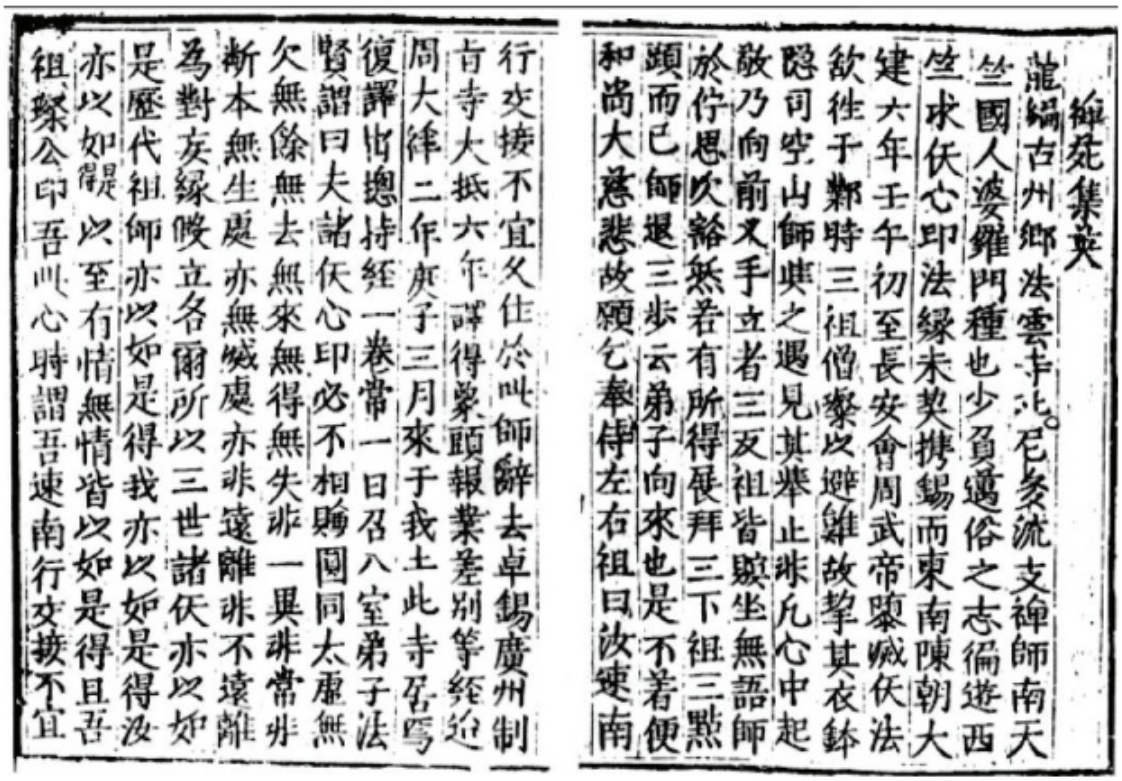
Chùa Dâu, là ngôi chùa cổ ở trung tâm Thuận Thành (Bắc Ninh). Đây là vùng Luy Lâu xưa, vùng Dâu, có giai đoạn là xã Khương Tự. Chùa Dâu ở làng Dâu, là một trong 12 làng cổ thuộc tổng Khương Tự (gần đây là xã Khương Tự) thời Lê. 12 làng cổ này, cũng hình thành và thuộc trung tâm của Giao Châu xưa, như các làng: Trà Lâm,

Tư Thế, Phương Quang, Thanh Hoài, Lũng Khê, Khương Tự, Đại Tự, Công Hà, Đông Cốc, Hà Mãn. Chùa Dâu, cùng tín ngưỡng tứ pháp, thờ Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện trong tổng thể thờ thần linh gắn liền với văn hóa tín ngưỡng nông nghiệp trong đời sống văn hóa và tôn giáo của người Việt ở Bắc Việt Nam. Những nghiên cứu về chùa Dâu trong khoảng mấy chục năm trở lại đây, đáng để ghi nhận là công trình do Nguyễn Quang Hồng chủ biên: Di văn chùa Dâu - Cổ Châu lục - Cổ Châu hạnh - Cổ Châu nghi (nxb KHXH, HN - 1997) và sau là Nguyễn Mạnh Cường: Chùa Dâu – tứ pháp và hệ thống các chùa Tứ Pháp (nxb KHXH, HN - 2000), đến Phan Cẩm Thượng: Chùa Dâu và nghệ thuật tứ pháp (nxb Mỹ thuật - 2002). Các nghiên cứu đều đặt vấn đề trọng tâm là Chùa Dâu, nhưng đặt trong tổng thể trong tín ngưỡng và văn hóa Tứ pháp. Đây là ba công trình tiêu biểu trong nghiên cứu về chùa Dâu và nghệ thuật tứ pháp trên ba phương diện: Tư liệu Hán Nôm, Lịch sử và Nghệ thuật. Nghiên cứu của nhóm tác giả do Nguyễn Quang Hồng chủ biên là khảo cứu giới thiệu về di văn chùa Dâu được in từ Mộc bản lưu tại chùa Dâu với 3 văn bản, đây là nghiêu cứu thư tịch, thiên hướng từ tư liệu chữ Hán chữ Nôm; Nguyễn Mạnh Cường, chú trọng góc độ Lịch sử và Khảo cổ; trong khi nghiên cứu của Phan Cẩm Thượng chú trọng góc nhìn từ lịch sử mỹ thuật. Đây là ba công trình quan trọng mà về

sau, nhiều nghiên cứu được công bố hoặc tham khảo, hoặc phần nào tiếp nhận ảnh hưởng. Cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu sâu và đầy đủ về chùa Dâu. Nguyên do, là vấn đề khó, cần nghiên cứu liên ngành, đa ngành, từ các góc độ tư liệu trong ngoài nước, đặc biệt tư liệu thành văn tại chùa Dâu, cũng như nghiên cứu đặt trong tổng quan nghiên cứu về Mỹ thuật, Khảo cổ học lịch sử, Địa lý học lịch sử. Tất cả các phương diện đều đặt trong tổng quan, đối xứng và tham khảo sâu về mặt tư liệu trong các giai đoạn lịch sử khác nhau tại chùa Dâu. Do đó, có thể thấy, nghiên cứu từ tư liệu là vấn đề quan trọng mà các nghiên cứu trước chưa giải quyết ổn thỏa.

Vấn đề tư liệu nước ngoài, tức vấn đề ngoại vi của chùa Dâu, cần tham khảo các tư liệu Trung Quốc trong giai đoạn trước thế kỷ thứ X để hiểu về tình hình Giao Châu, với vấn đề Sĩ Nhiếp, hoặc Đào Hoàng, hoặc liên quan đến Mâu Tử Lý hoặc luận cũng như các sư tu hành tại nơi đây và đặc biệt đặt ra vấn đề Tăng nhân Thiên Trúc (một cách gọi chung cho Tăng nhân ngoại lai có nguồn gốc từ Ấn Độ, hoặc Bắc Ấn, hoặc Tây Tạng trong ngữ liệu Phật giáo trước thế kỷ thứ X). Hiện nay đã tìm thấy thêm nhiều tư liệu văn hiến khu vực Thuận Thành để khẳng định, bổ trợ thêm cho các nghiên cứu về chùa Dâu, như văn bia Đào Hoàng (314); văn bia Xá lợi tháp chùa Thiền Chúng (601) cũng như các di tích thờ tự Sĩ Nhiếp và hiện vật còn lại theo thời gian. Các tư liệu như Tam Quốc chí, Hậu Hán thư, Tùy thư ... cũng cần được nghiên cứu kĩ lưỡng để tìm về những vấn đề nội tại của giai đoạn trước thế kỷ X tại Giao Châu nói chung.

Ngoài ra, còn nhiều tư liệu tại Việt Nam ghi chép về chùa Dâu trong các giai đoạn về sau. Tính khoảng thế kỷ thứ X về sau, các bộ sử chính thống của nước Việt Nam đều có những ghi chép về chùa Dâu hiện nay được lưu tại Kho sách Việt Nghiên cứu Hán Nôm, như: Đại Việt sử ký toàn thư (A.3/1-4), Khâm Định Việt sử thông giám cương mục (A.1/1-9); Việt sử lược (VHv.1521), hoặc các bộ sách địa lý học lịch sử, đặc biệt sách trong bộ Đại Nam nhất thống chí (A.2033 và VHv.129/1-5) của triều Nguyễn hoặc các sách địa chí viết về tỉnh Bắc Ninh nói chung, như Bắc Ninh tỉnh chí (A.569), Bắc Ninh tỉnh địa dư chí (A.590), Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí (A.28889), Bắc Ninh tỉnh hạt đình từ tự miếu (A.85)... cũng như nhiều sách về thần linh, thần tích, thần sắc, địa bạ cổ chỉ có liên quan đến thờ tự Tứ pháp nói chung và chùa Pháp Vân nói riêng.



禪苑集英

龍編古州鄉法雲寺比丘尼多流支禪師南天竺國人婆羅門種也少負邁俗之志徧遊西竺求伏心即法緣未契携錫而東南陳朝大建六年壬午初至長安會周武帝廢滅佛法欲徃于鄴時三祖僧璨以避難故挈其衣鉢隱司空山師與之遇見其舉止非凡心中起敬乃向前又手立者三反祖皆踞坐無語師於佇思次豁然若有所得展拜三下祖三點頭而已師退三步云弟子向來也是不着便和尚大慈悲故願乞奉侍左右祖曰汝速南行交接不宜久住於此師辭去卓錫廣州制旨寺大抵六年譯得象頭報業差別等經迎周大祥二年庚子三月來于我土此寺居焉復譯出總持經一卷常一日召八室弟子法賢謂曰夫諸佛心印必不相賒圓同太虛無欠無餘無去無來無得無失非一異非常非斷本無生處亦無滅處亦非遠離非不遠離為對友緣假立名爾所以三世諸佛亦以如是歷代祖師亦以如是得我亦以如是得汝亦以如是以至有情無情皆以如是得且吾祖粲公印吾此心時謂吾速南行交接不宜

Thiền uyển tập anh viết về chùa Dâu - Pháp Vân tự

Về tư liệu Hán Nôm tại chùa Dâu, đây là ngôi chùa cổ có lịch sử hơn nghìn năm, với nhiều lớp lang về tư liệu. Tư liệu Hán Nôm tại chùa đến nay gồm nhiều mảng tư liệu:

- Tư liệu mộc bản tại chùa Dâu

- Tư liệu văn bia tại chùa Dâu

- Câu đối hoành phi chùa Pháp Vân

Trong phần khảo luận sẽ chú trọng đến mảng tư liệu Mộc bản, đây là những phần tư liệu có niên đại cũ và thường niên đại được ghi trong văn bản. Mảng câu đối hoành phi cũng được đề cập và tư liệu thường muộn hơn. Vấn đề nghiên cứu về chùa Dâu sẽ khảo số lượng mộc bản tương ứng với các bản in ra giấy, đóng thành sách, hoặc lưu ở Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm hoặc lưu tại chùa, hoặc chưa có bản tại các thư viện. Nguồn tư liệu tham khảo để khảo cứu đa dạng từ thư viện công đến thư viện tư, chùa chiền tự viện... để từng bước tiến hành nghiên cứu vào nội dung, trước tiên nghiên cứu vấn đề tên gọi chùa Dâu.

Chùa Dâu từ tên gọi đến lịch sử

Chùa Dâu, là tên gọi nôm về chùa Pháp Vân, nơi thờ thần Pháp Vân, là một trong bốn vị thần của văn hóa tôn giáo vùng Luy Lâu giai đoạn đầu Công

nguyên đến nay. Chùa Dâu, được cho là tên làng, tên nôm na của chùa. Chùa Dâu, có các tên chữ Hán như: Pháp Vân tự 法雲寺, còn gọi là Pháp Vân thiền tự 法雲禪寺 cũng là tên gọi theo tên thần – Phật được thờ tại đây là Phật Pháp Vân; chùa Dâu, còn các tên chữ Hán khác nữa, như: Cổ Châu tự古珠寺, Thiền Định tự 禪 定寺, Diên Ứng thiền tự延應禪寺. Sang đầu thế kỷ XX, người Pháp đã có những nghiên cứu về chùa Dâu. Tổng quan, cả tên chữ Hán, và tên chữ Nôm, chùa Dâu có nhiều tên gọi khác nhau. Cổ Châu tự, có thể là tên sớm, khi gắn liền với truyền thuyết hình thành nên tín ngưỡng văn hóa và lịch sử ngôi chùa từ giai đoạn đầu Công nguyên, thời kỳ Giao Châu.



Chùa Dâu - Pháp Vân tự - Ảnh: Minh Khang

Đầu Công nguyên, chùa Dâu hình thành trong vùng lõi văn hóa Luy Lâu羸漊. Đến nay, khảo các lớp tư liệu trong ngoài nước, tên Luy Lâu 羸漊 cũng nhiều cách đọc, cách viết như: Doanh Lâu 瀛樓, Li Lâu离樓, Doanh Lâu瀛漊, Luy Lâu羸樓 .

Âm tiếng Việt có thể đọc như nhau là Luy, nhưng có thể ghi bằng các chữ khác nhau và tạo các âm Hán Việt khác nhau, hoặc âm Hán Việt giống nhau nhưng văn tự khác nhau. Luy Lâu là vùng văn hóa gắn liền với giai đoạn Giao Châu. Trong giai đoạn Sĩ Nhiếp cai trị Giao Châu, nhiệm sở ở Luy lâu cho đến các giai đoạn về sau, nhiều tăng nhân Thiên Trúc cũng như Trung Hoa đã đến Giao Châu, như Khương Tăng Hội, Mâu Tử, Tì Ni Đa Lưu Chi, Chi Cương Lương.... và điển hình là Khưu Đà La.

Tên chùa Dâu, giai đoạn trước thế kỷ thứ X, đến nay không có tư liệu ghi chép cụ thể. Tuy nhiên, là tư liệu từ sau thế kỷ X, thì chùa Dâu có tên là Diên Ứng thiền tự với nghĩa chùa nhiều lần ứng nghiệm. Đồng thời, các tư liệu cho thấy, chùa xưa ở vùng đất Cổ Châu, nên chùa còn có tên là Cổ Châu tự. Niên đại Cổ Châu, đến nay chưa khảo được lịch sử ghi chép về tên này.

Thiền uyển tập anh là văn bản sớm, trước thế kỷ XIV có ghi chép về thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi, tu hành ở chùa Pháp Vân trong khoảng giai đoạn thế kỷ thứ 6 về sau. Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi truyền lại nhiều đời và là một trong ba thiền phái lớn thế kỷ XIV về trước. Thiền uyển tập anh ghi là chùa: Pháp Vân tự ở hương Cổ

Châu Long Biên- 龍編古州鄉法雲寺, điều đó cho thấy, tên Cổ Châu tự, là tên chùa, cũng là tên làng Cổ Châu.

Chùa Dâu và vấn đề tư liệu

Đến nay người Việt Nam thường biết đến chùa Dâu thờ tự Tứ pháp, cũng như chùa ở trung tâm lõi của Luy Lâu xưa. Chùa cũng có nhiên đại khoảng gần 2000 năm, hình thành trong giai đoạn sớm về tôn giáo Phật giáo ở Bắc Việt Nam. Chùa Dâu còn nhiều tư liệu Hán Nôm, là các bản khắc kinh sách mộc bản lưu giữ ở chùa. Các văn bản này đa phần là khoa nghi trong lễ thỉnh Phật thánh, cầu mong phù hộ, tiêu tai diên thọ, phúc lộc đến với chúng sinh. Các khoa nghi, cũng cầu mưa thuận gió hòa, thích ứng cùng tín ngưỡng bản địa, tính địa phương sâu sắc trong lịch sử. Trong khoảng giai đoạn thế kỷ thứ X về sau, các triều đình nhiều lần tổ chức lễ cầu mưa, rước thánh tượng, trong đó có liên quan đến tín ngưỡng thờ Tứ pháp. Pháp Vân, thờ thần mây, là vị thần chủ, thần chính của hệ thống tứ pháp và có ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa, lịch sử Việt Nam nói chung và vùng Luy Lâu xưa nói riêng!

Tư liệu mộc bản và các bản in sách

Hiện nay, chùa Dâu còn khá nhiều mảng tư liệu khác nhau như mộc bản và sách, văn bia và câu đối hoành phi. Mộc bản chùa Dâu còn lại số lượng với 107 bộ ván, với nhiều cỡ khác nhau. Các ván kiểu phương sách cũng có, mà ván phạn giáp sách cũng có. Đây là hai dạng thức của ván để sau in ra giấy thì thành hai dạng thức của sách. Ván Phạn giáp thường dài, khoảng 6 đến 8 trang giấy in sách. Trong số các ván hiện lưu, có ván còn đầy đủ, có ván không còn đầy đủ tính theo bộ sách. Như có những ván tồn nghi, là dạng ván bùa, đến nay chưa khảo được thuộc hệ thống bùa của môn phái nào.

Chùa Dâu với 107 tấm mộc bản còn lại ngày nay, số ván hai mặt nội dung là 92 tấm, một mặt nội dung là 15 tấm. Trong tổng số 107 tấm mộc bản, tổng số có được 199 mặt có nội dung văn tự. Đây là những thống kê mang tính tổng quan về mộc bản chùa Dâu. Tổng số mộc bản chùa Dâu có thể được liệt kê như sau:

1. Cổ Châu Phật bản hạnh (gọi tắt Cổ Châu hạnh)

2. Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục (gọi tắt Cổ Châu lục)

3. Hiến Cổ Châu Phật tổ nghi (gọi tắt Cổ Châu nghi)

4. Âm Chất giải âm

5. Phật thuyết Nhân quả quốc ngữ kinh

6. Kỳ vũ kinh

7. Kỳ vũ hồng ân công văn tập quyển

8. Thỉnh Long vương nghi

9. Mục liên kinh

10. Tam giáo bình tâm luận

11. Phù chú

12. Công đức

13. Tồn nghi chưa phân loại

Với tổng số 13 loại được phân loại như trên, đủ thấy các hệ văn bản phức tạp và nằm trong nội dung liên quan Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Vấn đề của Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, vẫn là các hình thức trong tam giáo khi được sử dụng các khoa nghi và kinh văn trong các chùa chiền, đặc biệt là các chùa chiền của hệ thống Tứ pháp như chùa Dâu.

Trong 13 nội dung trên chỉ có Cổ Châu hạnh, Cổ Châu lục, Cổ Châu nghi, Phật thuyết nhân quả quốc ngữ kinh, Kỳ vũ kinh và Thỉnh long vương nghi là còn hoàn chỉnh. Các văn bản còn lại đa phần thiếu hoặc bị lỗi nội dung. Các văn bản này trước kia chưa được sưu tầm đầy đủ vào kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm và cũng chỉ có nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Quang Hồng là biên dịch cũng như khảo về một số lượng văn bản nhất định. Hiện nay Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm bảo quản văn bản có kí hiệu A.818, là Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục và là văn bản có nội dung chính là chữ Hán và phần dịch

nghĩa chữ Nôm. Lối viết chữ và thể loại chữ thời Lê, chữ rõ ràng mạch lạc. Đây là văn bản hiếm hoi tại chùa Dâu được sưu tập vào kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.



Mộc bản chùa Dâu – Cổ Châu nghi

Về Cổ Châu lục, Cổ Châu hạnh, Cổ Châu nghi, nhóm Nguyễn Quang Hồng đã có những khảo cứu công phu và xuất bản bản dịch sách. Công việc của nhóm tác giả không chỉ in rập lại từ mộc bản, mà tiến hành nghiên cứu tổng thể toàn bộ nội dung liên quan văn các bản trên. Các văn bản còn lại như Âm chất giải âm, Phật thuyết nhân quả quốc ngữ kinh, Kỳ vũ kinh... đến nay chưa có nghiên cứu dịch thuật. Về Âm chất giải âm, Phật thuyết nhân quả quốc ngữ kinh hiện kho sách Viện Nghiên cứu Hán nôm có một số văn bản. Tuy nhiên đến nay chưa có đối sánh nghiên cứu để xem có sự tương đồng với các văn bản chùa Dâu hay không.

Những văn bản khó trong khảo tả, tìm nguồn gốc và so sánh với các nguồn tư liệu là các bản hiếm gặp như Kỳ vũ kinh, Kỳ vũ hồng ân công văn tập quyển, Thỉnh Long vương nghi và đặc biệt là Mục Liên kinh chú, phù chú ... đây là các tư liệu hoặc hoàn chỉnh nhưng không xuất hiện nơi khác, hoặc không hoàn chỉnh mà không và chưa tìm thấy đồng dạng về văn bản, để có thể so sánh. Mục Liên kinh ảnh hưởng rất rộng ở Châu Á, bản kinh có hình họa khắc phụ phần trên trang sách, cũng là trang mộc bản, cho thấy điểm dị biệt và tương đồng trong văn bản khi đối sánh với các văn bản Mục Liên kinh ở các nơi khác cũng như văn bản lưu tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Cổ Châu lục, hiện có 42 trang sách, bản này tương đương với bản A.818 tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Sách gồm mỗi trang 6 dòng, chữ Hán, trong mỗi hàng dọc của trang, chữ Hán chữ to, chữ dịch sang Nôm chữ nhỏ, chạy

song cước - song hàng. Lối chữ mỗi dòng là chữ khải thể thời Lê. Với 42 trang, tương đương 11 tấm ván kinh, trong đó có 1 ván kinh có 1 mặt. Mỗi mặt ván gồm 2 trang a và b. Tính tổng là 42 trang. Nhóm Nguyễn Quang Hồng tính là: “21 tấm ván có kích thước 30x22cm" là không chính xác, mà đúng hơn là có 21 mặt ván.

Cổ Châu nghi có 7 tấm ván, trong đó có 6 tấm hai mặt đủ nội dung, 01 tấm chỉ 1 mặt. Tính tổng Cổ Châu nghi có 13 mặt ván, tương đương 26 trang sách in.

Thỉnh Long vương nghi có 7 ván khắc, tuy nhiên số mặt ván có văn tự chỉ có 10 ván, như vậy nghĩa là chủ yếu là chỉ 1 mặt ván và 3 mặt có 2 mặt ván. Tổng số 20 trang.

Phật thuyết nhân quả quốc ngữ kinh có 9 tấm mộc bản, mỗi tấm 2 mặt, tổng số 18 mặt, tính thành 36 trang sách in.







Kỳ vũ kinh có 12 ván, với 21 mặt ván, tương đương 42 trang.

Kỳ vũ hồng ân công văn tập quyển, gồm 7 ván với 16 mặt, tương đương 32 trang. Kỳ vũ hồng ân công văn tập quyển gồm các bài tán sớ để pháp chủ khi chủ trì lễ cúng tế với Long vương, thần linh nói chung thì sử dụng đọc xướng tấu lên. Văn bản này còn được xắp xếp ngay sau Kỳ vũ kinh, có ván nội dung khắc vào sau phần mặt 7 của Kỳ vũ tự - bài tựa của Kỳ vũ kinh....

Âm chất giải âm hiện không còn đủ, chỉ có 3 ván, với 6 mặt, tương đương 12 trang.

Mục Kiền Liên kinh, có 3 ván, với 6 mặt, tương đương 12 trang. Đây là văn bản không phổ biến ở các tự viện, bởi dạng kinh xếp - phạn giáp, lại có đồ họa từng trang.

Tam giáo bình tâm luận có 31 ván, với 56 mặt, 112 trang sách. Đây là sách còn đầy đủ và dày dặn, nhưng nội dung cũng nhiều đoạn lệch sai.

Phù chú có 1 ván 1 mặt, rất khó đọc nguồn gốc cũng như nghiên cứu.

Công đức có 5 ván, 8 mặt, với 16 trang, được xếp cùng cỡ ván khung của Kỳ vũ hồng ân công văn tập quyển.

Tồn nghi là 1 ván, 2 mặt, không chia trang, là hoa văn, chưa biết xếp vào hạng mục nào trong hệ thống.

Tổng số ván khắc còn lại tại chùa Dâu là 107 ván, với 199 mặt có nội dung để nghiên cứu. Đây là số lượng không lớn, nhưng tập trung chủ yếu vào tín ngưỡng nông nghiệp, thờ tự thần linh Long vương cầu mưa trong hệ tín ngưỡng Tứ pháp ở Giao Châu xưa, nay là Thuận Thành.

Tiểu kết

Bài viết từng bước giới thiệu các tư liệu nghiên cứu về chùa Dâu, trong đó đặc biệt các bộ chính sử của Việt Nam, cho đến những văn bản nghiên cứu gần đây về chùa Dâu như của nhóm Nguyễn Quang Hà, Nguyễn Mạnh Cường, Phan Cẩm Thượng... trên các lĩnh vực văn hiến học, khảo cổ học lịch sử cũng nghư nghệ thuật học tôn giáo.

Bài viết cũng khảo về các loại hình tư liệu về chùa Dâu trong đó đặc biệt chú trọng đến các loại hình mộc bản lưu tại chùa Dâu. Bài viết điểm qua số trang, nội dung và văn bản. Phân tích tính hiện tại, thực tồn và những sai biệt của văn bản.

Bài viết bỏ ngỏ khả năng tiếp tục những nghiên cứu sâu hơn về văn bản văn bia, câu đối hoành phi, lịch sử và tông phái Phật giáo trong các phần nghiên cứu tiếp về sau. Đây là những phần nội dung công phu và cần thời gian, để phân tích về địa danh học, Phật chùa Dâu, và vấn đề tín ngưỡng văn hóa, khoa nghi và sớ sách, bùa chú... nhiều mặt hiện hữu trong văn hóa hiện tại tài chùa Dâu, cũng như quá khứ ở Giao Châu đến nay vẫn cần khám phá và mở rộng nghiên cứu.

Tác giả: **Ts Phạm Văn Tuấn -** *Viện Nghiên cứu Hán Nôm*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

***

Tài liệu tham khảo:

[1]. Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục 古法雲佛本行語錄 *kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu A.818*

*[2]. Đại Việt sử kí toàn thư*大越史記全書*, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu A.3/1-4*

[3]. Nguyễn Mạnh Cường: Chùa Dâu – tứ pháp và hệ thống các chùa Tứ Pháp (nxb KHXH HN - 2000).

[4]. Nguyễn Quang Hồng chủ biên: Di văn chùa Dâu, nxb khxh, HN, 1997.

[5]. Phan Cẩm Thượng: Chùa Dâu và nghệ thuật tứ pháp (nxb Mỹ thuật – 2002).

*[6]. Thiền uyển tập anh*禪苑集英 *, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: A.3144.*

[7]. Thiền uyển truyền đăng lục 禪苑傳燈錄*, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu Vhv.9*

[8]. Nguyễn Quang Hà: Tìm hiểu thêm về lịch sử chùa Dâu (Thuận Thành - Bắc Ninh), Thông báo Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2004.